TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH MINH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 7 - 2024
V/v xin ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Khắc Toàn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lương Phi Sơn**

2. Ông **Nguyễn Tuấn Kiệt**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ứng Văn Tuấn** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên toà: Thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc "Xin ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐHPT-HNGĐ, ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Trần Anh Đ**, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Ấp Thuận Nghĩa, xã Thuận An, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Ấp Thuận Thới, xã Thuận An, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện đề ngày 04/01/2024 và qua quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Trần Anh Đ trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H do quen biết và tìm hiểu nhau từ năm 2021 rồi tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình chấp thuận, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thuận An, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 65, ngày 21/6/2021.

Thời gian đầu hai anh chị chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do gặp khó khăn về kinh tế nên cả hai thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Từ đó, chị Anh Đ nhận thấy đời sống vợ chồng không thể kéo dài, không còn khả năng đoàn tụ nên xin được ly hôn với anh H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Trần Anh Đ và anh Nguyễn Văn H có 01 con chung là cháu Nguyễn Bùi Đình L, sinh ngày 30/01/2022, hiện đang sống cùng mẹ. Chị Anh Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Anh Đ không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, nguyên đơn chị Bùi Trần Anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 01/7/2024, bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, việc vắng mặt của các đương sự nêu trên là không vì sự kiện bất khả kháng, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Bùi Trần Anh Đ và anh Nguyễn Văn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Theo lời trình bày của chị Anh Đ thì giữa chị và anh Nguyễn Văn H do quen biết và tìm hiểu nhau từ năm 2021 rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Thuận An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 65, ngày 21/6/2021. Thời gian đầu hai anh chị chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do gặp khó khăn về kinh tế nên cả hai thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến tình cảm vợ chồng

không còn. Từ đó, chị Anh Đ nhận thấy đời sống vợ chồng không thể kéo dài nên xin được ly hôn với anh H.

Đối với anh H, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh vẫn không tham gia và cũng không có văn bản nào trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Anh Đ, nên anh đã không thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình theo Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều đó cho thấy, hôn nhân giữa chị Anh Đ và anh H đã rơi vào tình trạng trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Anh Đà, xử cho chị Bùi Trần Anh Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

[3] Về con chung: Chị Bùi Trần Anh Đ và anh Nguyễn Văn H có 01 con chung là cháu Nguyễn Bùi Đình L, sinh ngày 30/01/2022, hiện đang sống cùng mẹ. Chị Anh Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Bùi Đình L cho chị Bùi Trần Anh Đ được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh H không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Trần Anh Đ chưa yêu cầu nên anh Nguyễn Văn H chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Trần Anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Bùi Trần Anh Đ phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

- Các Điều 91; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự,

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Trần Anh Đ.

Xử cho chị Bùi Trần Anh Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Bùi Đình L, sinh ngày

30/01/2022 cho chị Bùi Trần Anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn H không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Trần Anh Đ chưa yêu cầu nên anh Nguyễn Văn H chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Bùi Trần Anh Đ phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Anh Đ đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0012607, ngày 26/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh. Do đó, chị Anh Đ đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn. Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL: 01;
- VKSND TXBM: 01;
- Chi cục THADS TXBM: 01;
- UBND xã Thuận An;
- Đương sự: 02;
- Lưu: 08.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Toàn